

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1277/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/12/2020  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:**

Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 776/2020/TLST– HNGĐ ngày 06/8/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị NĐ, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Phước 1, xã MQ, huyện TM, tỉnh ĐT

2. *Bị đơn:* Ông Trần HP, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: 24 đường LTH, khu phố 4, tổ 6, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị NĐ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần HP tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 do UBND xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn cuộc sống ban đầu hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng không lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng cũng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, thực tế vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần HP

- Bà Trần Thị ND có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/8/2020 vì điều kiện đường xá xa xôi không thể đến Tòa được.

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Bà Đức tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Trần HP: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì: “Đương sự Trần HP, sinh năm: 1981 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 24 đường Lê Thị Hoa, khu phố 4, tổ 6, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư trú tại địa chỉ trên”

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Trần HP đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### 1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức thì bị đơn Trần HP hiện đang cư trú tại: 24 đường Lê Thị Hoa, khu phố 4, tổ 6, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông Trần HP đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### 2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị ND và ông Trần HP tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 do UBND xã Mỹ Quý, huyện Tháp

Mười, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/4/2018. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Đức và ông Phúc kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được nên bà Đức yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà Đức xác định tình cảm vợ chồng với ông Phúc không còn, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn sự liên lạc, quan tâm cho nhau nữa, bản thân ông Phúc cũng biết việc bà yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác giải quyết, vì vậy bà kiên quyết ly hôn.

Đối với bị đơn ông Trần HP cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Đức. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông Trần HP cũng không còn sự quan tâm, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Trần Thị ND.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị ND và ông Trần HP đã thực sự không còn, cả hai đã sống ly thân, đời sống chung vợ chồng không có nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị ND

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị ND và ông Trần HP.

1.2 Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị NĐ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0057548 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Trần Thị NĐ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Kim Trang**